

Số: /QĐ-UBND

Nghi Dương, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong tổ chức và hoạt động của thôn
trên địa bàn xã Nghi Dương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy chế phối hợp trong tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn xã Nghi Dương.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này là căn cứ để Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Ban Công tác Mặt trận thôn, các tổ chức ở thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Quy chế này không thay thế quy định của pháp luật, không làm phát sinh thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ hoặc thủ tục hành chính ngoài quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm: Chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế; Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, tham mưu UBND xã sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã, Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, các phòng chuyên môn, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp hướng dẫn các thôn thực hiện Quy chế.

3. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Ban Công tác Mặt trận thôn và các tổ chức ở thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; Trưởng Ban Công tác Mặt trận các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT ĐU, TT HĐND xã (B/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

Q. CHỦ TỊCH**Lưu Thị Tươi**

QUY CHẾ

Phối hợp trong tổ chức và hoạt động của Thôn trên địa bàn xã Nghi Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của
Ủy ban nhân dân xã Nghi Dương)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức hoạt động; nhiệm vụ, chế độ làm việc của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; mối quan hệ phối hợp giữa Trưởng thôn với Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể, tổ chức tự quản và Nhân dân; việc tổ chức hội nghị cộng đồng dân cư; thực hiện công khai, dân chủ; quản lý tài sản, nhà văn hóa; chế độ thông tin, báo cáo và bàn giao công việc tại các thôn trên địa bàn xã Nghi Dương.

2. Những nội dung liên quan đến quyền của Nhân dân bàn và quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát; trình tự tổ chức hội nghị cộng đồng dân cư; bầu, cho thôi làm Trưởng thôn được thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Quy chế này không thay thế hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; không làm hạn chế quyền làm chủ của Nhân dân và không đặt ra khoản đóng góp, thủ tục hoặc nghĩa vụ ngoài quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn.
2. Ban Công tác Mặt trận thôn, các chi hội, chi đoàn và tổ chức xã hội ở thôn.
3. Tổ hòa giải, tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ công nghệ số cộng đồng và các tổ tự quản khác được thành lập theo quy định.
4. Hộ gia đình, cá nhân cư trú tại thôn.
5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động của thôn.

Điều 3. Vị trí của thôn

1. Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong xã; không phải là một cấp hành chính.

2. Hoạt động của thôn nhằm phát huy quyền làm chủ, tinh thần đoàn kết, tự quản của Nhân dân; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của địa phương.

3. Thôn chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của UBND xã; chịu sự lãnh đạo của Chi bộ; phối hợp với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, nghị quyết của cộng đồng dân cư và hương ước, quy ước đã được công nhận.
2. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của UBND xã; phát huy vai trò chủ trì, phối hợp của Ban Công tác Mặt trận.
3. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tôn trọng quyền làm chủ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.
4. Bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ kết quả; không đùn đẩy, né tránh hoặc làm thay nhiệm vụ của cơ quan nhà nước.
5. Không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, hoàn cảnh kinh tế hoặc địa vị xã hội.
6. Không lợi dụng hoạt động của thôn để ép buộc đóng góp, gây phiền hà, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

Điều 5. Những hành vi không được thực hiện

1. Tự đặt ra thủ tục xác nhận, giấy tờ, điều kiện hoặc khoản thu không có căn cứ pháp luật.
2. Ép buộc, vận động mang tính áp đặt đối với các khoản đóng góp tự nguyện.
3. Che giấu, không công khai hoặc công khai không đầy đủ việc quản lý, sử dụng tiền, tài sản, các khoản hỗ trợ và đóng góp của Nhân dân.
4. Cản trở Nhân dân tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.
5. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin thuộc diện không được công khai.
6. Lợi dụng chức trách để vụ lợi, thiên vị, gây mất đoàn kết hoặc giải quyết công việc trái thẩm quyền.
7. Ban hành hoặc tổ chức thực hiện quyết định của thôn trái pháp luật, trái nghị quyết hợp pháp của cộng đồng dân cư.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA THÔN

Điều 6. Tuyên truyền, vận động Nhân dân

1. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã; quyết định, kế hoạch và văn bản chỉ đạo của UBND xã.
2. Vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; thực hiện nghĩa vụ công dân; tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động tại địa phương.

3. Tuyên truyền bằng hình thức phù hợp như hội nghị, hệ thống truyền thanh, bảng tin, nhóm thông tin điện tử, mạng xã hội chính thức của thôn hoặc tuyên truyền trực tiếp.

4. Nội dung tuyên truyền phải chính xác, kịp thời, dễ hiểu; không đăng tải hoặc chuyển tiếp thông tin chưa được kiểm chứng, thông tin sai sự thật hoặc thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

1. Vận động Nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật; áp dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; hỗ trợ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

2. Phối hợp rà soát, cung cấp thông tin phục vụ thực hiện chính sách an sinh xã hội, người có công, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, bảo hiểm y tế và các chính sách khác.

3. Tổ chức hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa và môi trường văn hóa lành mạnh.

4. Vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom và phân loại rác thải; bảo vệ nguồn nước, cây xanh, đường làng, ngõ xóm và cảnh quan chung.

5. Phối hợp triển khai nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh; an toàn thực phẩm; chăm sóc sức khỏe Nhân dân; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 8. Quốc phòng, an ninh và trật tự ở cơ sở

1. Phối hợp với Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã và các lực lượng liên quan tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành quy định về quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ quân sự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Nắm tình hình địa bàn, kịp thời phản ánh với cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật, nguy cơ mất an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội, cháy nổ và các tình huống bất thường.

3. Phối hợp hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; xây dựng, duy trì các mô hình tự quản về an ninh, trật tự phù hợp.

4. Không tự ý kiểm tra hành chính, xử phạt, thu giữ tài sản, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

Điều 9. Phòng, chống thiên tai và sự cố

1. Tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động phòng, chống bão, lụt, úng, dịch bệnh, cháy nổ và các sự cố khác.

2. Rà soát hộ gia đình, cá nhân có nguy cơ cao, người già, trẻ em, người khuyết tật và người cần hỗ trợ để xây dựng phương án giúp đỡ khi có tình huống.

3. Phối hợp thực hiện sơ tán, cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tài sản theo chỉ đạo của UBND xã và cơ quan có thẩm quyền.

4. Kịp thời báo cáo thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ; bảo đảm việc tiếp nhận, phân phối cứu trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Điều 10. Hòa giải và giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng

1. Phối hợp với Tổ hòa giải tổ chức hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở.

2. Việc hòa giải phải bảo đảm tự nguyện, khách quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; giữ bí mật thông tin đòi tư theo quy định.

3. Trưởng thôn không tự giải quyết thay cơ quan có thẩm quyền đối với tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo, vụ việc hình sự, hành chính hoặc vụ việc pháp luật không cho phép hòa giải.

4. Trường hợp hòa giải không thành hoặc vụ việc vượt thẩm quyền, hướng dẫn công dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền; không giữ đơn, trì hoãn hoặc ngăn cản công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Điều 11. Thực hiện chuyển đổi số ở thôn

1. Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

2. Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ.

3. Việc lập nhóm Zalo, mạng xã hội hoặc kênh thông tin của thôn phải có người quản trị, quy tắc sử dụng và nội dung rõ ràng.

4. Không công khai số căn cước, hồ sơ sức khỏe, thông tin tài khoản, số điện thoại hoặc dữ liệu cá nhân của người dân khi chưa có căn cứ pháp luật hoặc sự đồng ý của người có liên quan.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG THÔN

Điều 12. Vị trí và trách nhiệm của Trưởng thôn

1. Trưởng thôn là người đại diện cho cộng đồng dân cư để tổ chức thực hiện các hoạt động tự quản và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Trưởng thôn chịu trách nhiệm trước Nhân dân trong thôn, trước UBND xã và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Trưởng thôn không phải là công chức; không nhân danh UBND xã đề ban hành quyết định hành chính, xử phạt, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc thực hiện thẩm quyền không được pháp luật giao.

Điều 13. Nhiệm vụ của Trưởng thôn

1. Triệu tập và chủ trì hội nghị cộng đồng dân cư theo quy định; phối hợp với Ban Công tác Mặt trận chuẩn bị nội dung, chương trình và điều kiện tổ chức.

2. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định hợp pháp của cộng đồng dân cư; theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do UBND xã giao; thông tin kịp thời đến Nhân dân về các chủ trương, chính sách và nhiệm vụ liên quan đến thôn.

4. Phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể, tổ hòa giải, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự và các tổ tự quản.

5. Nắm tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; tổng hợp, phản ánh trung thực với Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và UBND xã.

6. Tổ chức công khai các nội dung theo quy định; tiếp nhận, tổng hợp và phản hồi ý kiến, kiến nghị của Nhân dân trong phạm vi trách nhiệm.

7. Quản lý hồ sơ, sổ sách, tài sản được giao; thực hiện kiểm kê, bàn giao đầy đủ khi thay đổi nhân sự.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất; kịp thời báo cáo sự việc nghiêm trọng hoặc tình huống khẩn cấp.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ được giao hợp pháp.

Điều 14. Quyền hạn của Trưởng thôn

1. Được cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ nhiệm vụ theo quy định.

2. Được mời đại diện hộ gia đình, Ban Công tác Mặt trận, các đoàn thể, tổ tự quản và người có liên quan tham gia cuộc họp, hoạt động của thôn.

3. Đề nghị UBND xã, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết kiến nghị chính đáng của Nhân dân.

4. Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng thôn; đề nghị các tổ chức ở thôn phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, trách nhiệm của từng tổ chức.

5. Ký giấy mời, thông báo, báo cáo, biên bản và văn bản thuộc phạm vi hoạt động của thôn.

6. Từ chối thực hiện yêu cầu trái pháp luật và báo cáo UBND xã xem xét, giải quyết.

Điều 15. Trách nhiệm nêu gương của Trưởng thôn

1. Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hương ước, quy ước và nghị quyết của cộng đồng dân cư.
2. Công tâm, khách quan, gần gũi, tôn trọng và lắng nghe Nhân dân; không thiên vị, vụ lợi hoặc lợi dụng chức trách.
3. Thực hiện nghiêm việc công khai, giải trình; chủ động nhận trách nhiệm và khắc phục sai sót.
4. Giữ gìn đoàn kết nội bộ; không phát ngôn, đăng tải thông tin gây chia rẽ cộng đồng dân cư.

Điều 16. Nhiệm vụ của Phó Trưởng thôn

1. Giúp Trưởng thôn thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công bằng văn bản hoặc được thông báo công khai trong cuộc họp thôn.
2. Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực như văn hóa - xã hội, môi trường, an ninh, chuyển đổi số, quản lý nhà văn hóa hoặc nhiệm vụ khác phù hợp.
3. Thay mặt Trưởng thôn điều hành công việc khi được ủy quyền; phạm vi và thời gian ủy quyền phải rõ ràng.
4. Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước Trưởng thôn, trước UBND xã và trước pháp luật về phần việc được giao.
5. Không tự ý quyết định vấn đề thuộc trách nhiệm của Trưởng thôn hoặc của cộng đồng dân cư khi chưa được phân công, ủy quyền.

Điều 17. Phân công giữa Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn

1. Trong thời hạn phù hợp sau khi Phó Trưởng thôn được công nhận hoặc bổ trí theo quy định, Trưởng thôn phải xây dựng thông báo phân công nhiệm vụ.
2. Nội dung phân công phải xác định lĩnh vực, phạm vi giải quyết, trách nhiệm báo cáo và chế độ phối hợp.
3. Trưởng thôn chịu trách nhiệm chung, không được giao toàn bộ công việc hoặc né tránh trách nhiệm người đứng đầu.
4. Khi thay đổi phân công phải thông báo cho Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, UBND xã và các tổ chức có liên quan.

Điều 18. Xử lý công việc khi Trưởng thôn vắng mặt

1. Trường hợp vắng mặt trong thời gian ngắn, Trưởng thôn ủy quyền cho Phó Trưởng thôn xử lý công việc thường xuyên.
2. Việc ủy quyền không bao gồm những nội dung pháp luật quy định Trưởng thôn phải trực tiếp chủ trì hoặc những vấn đề thuộc quyền quyết định của cộng đồng dân cư.

3. Trường hợp Trưởng thôn khuyết, nghỉ dài ngày hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, UBND xã xử lý theo quy định của pháp luật; Phó Trưởng thôn không đương nhiên trở thành Trưởng thôn.

Điều 19. Tiếp nhận và giải quyết công việc của Nhân dân

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn bố trí thời gian phù hợp để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

2. Nội dung thuộc phạm vi thôn phải được xem xét, trả lời hoặc tổ chức thực hiện kịp thời.

3. Nội dung thuộc thẩm quyền UBND xã hoặc cơ quan khác phải được tổng hợp, chuyển đến đúng cơ quan; thông báo cho người kiến nghị biết.

4. Không được yêu cầu người dân nộp giấy tờ, lệ phí hoặc khoản tiền ngoài quy định.

Chương IV QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 20. Quan hệ với Chi bộ thôn

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn chịu sự lãnh đạo của Chi bộ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa bàn.

2. Trưởng thôn định kỳ hoặc khi cần thiết báo cáo Chi bộ về tình hình Nhân dân, kết quả thực hiện nhiệm vụ, vấn đề nổi lên và nội dung cần lãnh đạo.

3. Chi bộ định hướng chủ trương, giải pháp; không làm thay công việc quản lý, điều hành của Trưởng thôn và không quyết định thay những nội dung thuộc quyền của Nhân dân.

4. Đối với vấn đề quan trọng, Trưởng thôn trao đổi với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận trước khi tổ chức thực hiện, nhưng phải bảo đảm đúng thẩm quyền và trình tự pháp luật.

Điều 21. Quan hệ với Ban Công tác Mặt trận

1. Trưởng thôn và Ban Công tác Mặt trận phối hợp trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên.

Hai bên phối hợp:

- a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân;
- b) Chuẩn bị và tổ chức hội nghị cộng đồng dân cư;
- c) Lắng ý kiến Nhân dân;
- d) Tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua;
- đ) Thực hiện giám sát, phản biện và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân;

e) Hòa giải, xây dựng đoàn kết trong cộng đồng.

2. Trưởng Ban Công tác Mặt trận thực hiện vai trò chủ trì hoặc phối hợp trong những nội dung pháp luật giao; Trưởng thôn không can thiệp vào hoạt động giám sát của Mặt trận.

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau, hai bên trao đổi để thống nhất; nếu chưa thống nhất thì báo cáo Chi bộ, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và UBND xã theo chức năng.

Điều 22. Quan hệ với các chi hội, chi đoàn

1. Trưởng thôn tạo điều kiện để các chi hội, chi đoàn hoạt động theo điều lệ và chương trình của tổ chức mình.

2. Các chi hội, chi đoàn phối hợp vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện nhiệm vụ của thôn; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên và Nhân dân.

3. Việc giao nhiệm vụ phối hợp phải phù hợp chức năng của từng tổ chức; không hành chính hóa hoạt động của các đoàn thể.

4. Định kỳ tổ chức trao đổi, giao ban để thống nhất nội dung phối hợp, tránh trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

Điều 23. Quan hệ với UBND xã

1. Trưởng thôn chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra của UBND xã trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiếp nhận nhiệm vụ phải xác định rõ nội dung, thời hạn, sản phẩm và cơ quan đầu mối hướng dẫn.

3. Trưởng thôn có trách nhiệm phản ánh những khó khăn, vấn đề vượt khả năng; UBND xã có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết hoặc trả lời theo thẩm quyền.

4. Thôn không tự ý ban hành chủ trương thay UBND xã, không xác nhận nội dung không thuộc thẩm quyền.

Điều 24. Quan hệ với cơ quan, đơn vị và trường học trên địa bàn

1. Phối hợp tuyên truyền, vận động, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh và chăm lo an sinh xã hội.

2. Việc phối hợp phải thông qua người đứng đầu hoặc người được phân công của đơn vị; không làm ảnh hưởng hoạt động chuyên môn.

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị đề nghị thôn cung cấp thông tin về cá nhân, hộ gia đình, việc cung cấp phải đúng thẩm quyền và quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương V **HỘI NGHỊ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

Điều 25. Các hình thức để Nhân dân bàn và quyết định

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.
2. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.
3. Biểu quyết trực tuyến trong trường hợp cộng đồng dân cư có điều kiện thực hiện và bảo đảm yêu cầu theo quy định.
4. Việc lựa chọn hình thức, trình tự, tỷ lệ thông qua và công nhận kết quả thực hiện theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP. Nghị định này quy định chi tiết việc tổ chức cuộc họp, phát phiếu lấy ý kiến và biểu quyết trực tuyến của cộng đồng dân cư.

Điều 26. Nội dung Nhân dân bàn và quyết định

Cộng đồng dân cư bàn và quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, trong đó gồm:

1. Chủ trương và mức đóng góp để xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng trong phạm vi thôn trên cơ sở tự nguyện, công khai và đúng pháp luật.
2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân.
3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.
4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn; bầu, cho thôi thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.
5. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và pháp luật.

Điều 27. Chuẩn bị hội nghị cộng đồng dân cư

1. Trưởng thôn phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận thống nhất mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần và hình thức tổ chức.
2. Tài liệu hội nghị phải được chuẩn bị rõ ràng, đầy đủ; đối với nội dung có thu, chi hoặc huy động đóng góp phải có dự toán, phương án quản lý, sử dụng và giám sát.
3. Giấy mời hoặc thông báo họp phải được gửi, niêm yết hoặc thông tin bằng hình thức phù hợp để đại diện hộ gia đình biết và tham dự.
4. Không đưa ra hội nghị biểu quyết những nội dung vượt thẩm quyền, trái pháp luật hoặc chưa có đủ thông tin cần thiết.

Điều 28. Tiến hành hội nghị

1. Người chủ trì tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình và xác định điều kiện tiến hành hội nghị.
2. Đại diện người chuẩn bị nội dung trình bày đầy đủ vấn đề cần bàn; công khai căn cứ, dự toán, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện.

3. Người tham dự được phát biểu, chất vấn, đề xuất; người chủ trì có trách nhiệm giải trình hoặc ghi nhận đề cơ quan có thẩm quyền trả lời.

4. Việc biểu quyết thực hiện công khai hoặc bỏ phiếu kín theo tính chất nội dung và quy định pháp luật.

5. Kết quả phải được kiểm đếm, công bố tại hội nghị và lập biên bản.

Điều 29. Biên bản và nghị quyết của cộng đồng dân cư

1. Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần, tổng số hộ, số đại diện hộ tham dự, nội dung thảo luận, kết quả biểu quyết và ý kiến khác nhau.

2. Nghị quyết phải xác định rõ:

- a) Nội dung được quyết định;
- b) Người hoặc tổ chức thực hiện;
- c) Nguồn lực và thời gian thực hiện;
- d) Cơ chế công khai, kiểm tra, giám sát;
- đ) Hiệu lực thực hiện.

3. Biên bản hội nghị phải có chữ ký của người chủ trì và người ghi biên bản. Nghị quyết cộng đồng dân cư được người chủ trì hội nghị ký trên cơ sở kết quả biểu quyết hợp pháp của cộng đồng dân cư.

4. Nghị quyết được công khai đến Nhân dân và gửi UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã theo quy định.

5. Nghị quyết có nội dung trái pháp luật không được tổ chức thực hiện; Trưởng thôn phải báo cáo UBND xã xem xét.

Điều 30. Tổ chức thực hiện nghị quyết

1. Trưởng thôn chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai nghị quyết; phân công nhiệm vụ cụ thể.

2. Ban Công tác Mặt trận và Nhân dân giám sát quá trình thực hiện.

3. Các khoản thu, chi phải có chứng từ, sổ sách và công khai định kỳ hoặc khi hoàn thành công việc.

4. Trường hợp cần thay đổi nội dung quan trọng đã được Nhân dân quyết định phải tổ chức để Nhân dân xem xét, quyết định lại; không tự ý điều chỉnh.

Chương VI

CÔNG KHAI, THAM GIA Ý KIẾN, KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

Điều 31. Nội dung công khai tại thôn

1. Chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của Nhân dân.

2. Kết quả hội nghị, lấy ý kiến và nghị quyết của cộng đồng dân cư.
3. Việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp, tài trợ, hỗ trợ; tài sản và công trình cộng đồng.
4. Danh sách, tiêu chí, kết quả rà soát các đối tượng hưởng chính sách khi pháp luật yêu cầu công khai.
5. Kết quả huy động, tiếp nhận và phân phối cứu trợ, hỗ trợ.
6. Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh thuộc trách nhiệm của thôn.
7. Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc do cộng đồng dân cư quyết định.

Điều 32. Hình thức và thời gian công khai

1. Niêm yết tại nhà văn hóa hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng.
2. Thông báo qua hệ thống truyền thanh, cuộc họp, văn bản gửi hộ gia đình, nhóm thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác.
3. Nội dung công khai phải đầy đủ, dễ đọc, dễ hiểu và được duy trì trong thời gian theo quy định.
4. Đối với người cao tuổi, người khuyết tật hoặc người không có điều kiện tiếp cận công nghệ, phải có hình thức thông tin trực tiếp hoặc phù hợp.
5. Không chỉ công khai qua mạng xã hội nếu việc đó làm hạn chế khả năng tiếp cận của một bộ phận Nhân dân.

Điều 33. Tiếp nhận ý kiến và trách nhiệm giải trình

1. Ý kiến được tiếp nhận trực tiếp, bằng văn bản, qua điện thoại, hòm thư, nhóm thông tin điện tử hoặc thông qua Ban Công tác Mặt trận, các đoàn thể.
2. Trưởng thôn có trách nhiệm phân loại:
 - a) Nội dung thuộc thẩm quyền thôn;
 - b) Nội dung thuộc UBND xã;
 - c) Nội dung thuộc cơ quan, tổ chức khác;
 - d) Nội dung cần giữ bí mật hoặc bảo vệ người cung cấp thông tin.
3. Nội dung thuộc trách nhiệm thôn phải được xem xét, giải trình kịp thời.
4. Nội dung chuyển UBND xã phải được tổng hợp trung thực, không tự ý sửa đổi, lược bỏ ý kiến chính đáng.

Điều 34. Kiểm tra, giám sát của Nhân dân

1. Nhân dân có quyền theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; việc thực hiện nghị quyết; quản lý tiền, tài sản và công trình cộng đồng.

2. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc diện công khai và giải trình theo yêu cầu hợp pháp.

3. Ban Công tác Mặt trận tổng hợp kiến nghị giám sát; đề nghị khắc phục hạn chế, vi phạm.

4. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ VĂN HÓA, TÀI SẢN VÀ KINH PHÍ

Điều 35. Quản lý nhà văn hóa và công trình cộng đồng

1. Nhà văn hóa, sân thể thao, công trình và thiết bị được Nhà nước đầu tư là tài sản công; việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quyết định giao quản lý của UBND xã và pháp luật về tài sản công.

2. Trưởng thôn được giao trực tiếp theo dõi, bảo quản, tổ chức sử dụng; không được tự ý cho thuê, cho mượn dài hạn, chuyển nhượng hoặc thay đổi mục đích sử dụng.

3. Việc sử dụng phải ưu tiên hoạt động chính trị, hội nghị Nhân dân, văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng và hoạt động phục vụ lợi ích chung.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng phải giữ gìn vệ sinh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy và bồi thường nếu gây hư hỏng theo quy định.

5. Lịch sử dụng nhà văn hóa phải được công khai, bảo đảm công bằng, không phục vụ lợi ích riêng.

Điều 36. Quản lý tài sản, trang thiết bị

1. Tất cả tài sản phải được lập danh mục, sổ theo dõi, ghi rõ nguồn hình thành, hiện trạng và người trực tiếp quản lý.

2. Hằng năm và khi thay đổi Trưởng thôn phải kiểm kê tài sản.

3. Tài sản hư hỏng phải được báo cáo UBND xã; không tự ý thanh lý, tháo dỡ hoặc bán.

4. Tài sản do Nhân dân đóng góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã được cộng đồng dân cư quyết định.

Điều 37. Quản lý các khoản thu, chi

1. Thôn không phải là cấp ngân sách và không tự đặt ra các khoản thu.

2. Khoản đóng góp của Nhân dân chỉ được thực hiện khi đúng quy định, trên cơ sở tự nguyện hoặc đã được cộng đồng dân cư bàn, quyết định thuộc phạm vi pháp luật cho phép.

3. Mọi khoản thu phải có danh sách, chứng từ hoặc giấy biên nhận; mọi khoản chi phải có căn cứ, chứng từ và người chịu trách nhiệm.

4. Không giao một người đồng thời giữ tiền, quyết định chi và tự kiểm tra việc chi.

5. Kết quả thu, chi phải được công khai; số tiền chưa sử dụng hết phải được quản lý, xử lý theo nghị quyết của cộng đồng dân cư và quy định pháp luật.

Điều 38. Tiếp nhận tài trợ, hỗ trợ

1. Tài trợ, hỗ trợ bằng tiền hoặc tài sản phải được ghi nhận đầy đủ, công khai đơn vị, cá nhân tài trợ, giá trị và mục đích sử dụng.

2. Không tiếp nhận tài trợ kèm điều kiện trái pháp luật hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

3. Việc sử dụng phải đúng mục đích; trường hợp thay đổi mục đích phải được bên tài trợ đồng ý và thực hiện đúng quy định.

Chương VIII

HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC VÀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

Điều 39. Thực hiện hương ước/quy ước

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hương ước/quy ước đã được công nhận để hộ gia đình và Nhân dân biết, tự giác thực hiện.

2. Nội dung hương ước/quy ước phải phù hợp pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục tốt đẹp; không xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

3. Không được quy định phạt tiền, thu giữ tài sản, cắt chế độ, hạn chế quyền hoặc áp dụng hình thức xử lý trái pháp luật.

4. Việc sửa đổi, bổ sung hương ước/quy ước phải được cộng đồng dân cư bàn, thông qua và trình công nhận theo quy định.

Điều 40. Thực hiện nếp sống văn minh

1. Vận động thực hiện văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; bảo đảm tiết kiệm, an toàn, không mê tín dị đoan.

2. Giữ gìn tình làng, nghĩa xóm; chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người yếu thế; hỗ trợ hộ gia đình gặp khó khăn.

3. Không tổ chức hoạt động gây tiếng ồn quá mức, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng sinh hoạt chung.

4. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật.

Chương IX

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ HỒ SƠ

Điều 41. Chế độ họp, giao ban

1. Trưởng thôn chủ trì giao ban với Phó Trưởng thôn và các lực lượng liên quan định kỳ hàng tháng hoặc khi cần thiết, bảo đảm thiết thực, không hình thức.
2. Định kỳ trao đổi với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận và đại diện các chi hội, chi đoàn để đánh giá tình hình, thống nhất nhiệm vụ.
3. Họp bất thường khi có tình huống khẩn cấp, nhiệm vụ quan trọng hoặc yêu cầu của UBND xã.
4. Các cuộc họp phải có nội dung, kết luận và phân công rõ ràng; hạn chế họp không cần thiết.

Điều 42. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Báo cáo định kỳ theo yêu cầu của UBND xã; nội dung phải ngắn gọn, trung thực, có số liệu và kết quả cụ thể.
2. Báo cáo đột xuất ngay khi xảy ra:
 - a) Thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh;
 - b) Vụ việc nghiêm trọng về an ninh, trật tự;
 - c) Khiếu kiện đông người, mâu thuẫn phức tạp;
 - d) Tai nạn nghiêm trọng;
 - đ) Vấn đề ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân.
3. Không báo cáo số liệu chưa kiểm chứng hoặc tự ý cung cấp thông tin cho báo chí, mạng xã hội về vụ việc đang được cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 43. Quản lý hồ sơ của thôn

1. Hồ sơ cơ bản gồm:
 - a) Sổ công tác của Trưởng thôn;
 - b) Hồ sơ hội nghị (Biên bản và nghị quyết cộng đồng dân cư);
 - c) Hồ sơ lấy ý kiến Nhân dân;
 - d) Sổ theo dõi tài sản;
 - đ) Hồ sơ thu, chi, đóng góp, tài trợ;
 - e) Hồ sơ báo cáo, kiến nghị;
 - g) Hồ sơ bàn giao;
 - h) Hương ước/ quy ước và văn bản liên quan;
 - i) Hồ sơ phân công Phó Trưởng thôn.
2. Hồ sơ phải được sắp xếp theo năm, lĩnh vực; bảo quản an toàn và bàn giao đầy đủ.

3. Hồ sơ điện tử phải được lưu trữ trên thiết bị hoặc hệ thống phù hợp; không sử dụng tài khoản cá nhân làm nơi lưu giữ duy nhất đối với hồ sơ chung.

4. Việc cung cấp, sao chụp tài liệu thực hiện theo quy định về tiếp cận thông tin, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 44. Bàn giao khi thay đổi nhân sự

1. Khi Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn thôi nhiệm vụ, chuyển công tác hoặc có quyết định thay thế, phải thực hiện bàn giao.

2. Nội dung bàn giao gồm:

- a) Công việc đã hoàn thành, đang thực hiện và chưa thực hiện;
- b) Hồ sơ, sổ sách, văn bản;
- c) Tiền, tài sản, chìa khóa, thiết bị;
- d) Tài khoản, phương tiện thông tin chung;
- đ) Các khoản phải thu, phải chi và trách nhiệm liên quan.

3. Việc bàn giao phải lập biên bản, có đại diện UBND xã và các thành phần liên quan chứng kiến khi cần thiết.

4. Người thôi nhiệm vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của nội dung bàn giao.

Chương X

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Khen thưởng

1. Tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích trong xây dựng cộng đồng dân cư được biểu dương hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Việc bình xét phải dân chủ, công khai, đúng tiêu chuẩn; không bình xét hình thức hoặc cào bằng.

3. Kết quả thực hiện Quy chế là một trong những căn cứ để UBND xã xem xét đánh giá nhiệm vụ của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn và đánh giá phong trào của thôn.

Điều 46. Xử lý vi phạm

1. Người vi phạm Quy chế tùy tính chất, mức độ phải kiểm điểm, khắc phục hậu quả hoặc bị kiến nghị xử lý theo quy định.

2. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Trưởng thôn hoặc Ban Công tác Mặt trận chuyển thông tin, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Không được tự đặt ra hình thức phạt tiền, lao động bắt buộc, cắt quyền lợi, công khai thông tin đời tư hoặc biện pháp xử lý trái pháp luật.

4. Người lợi dụng phản ánh, giám sát để vu khống, xúc phạm, gây rối cũng bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 47. Trách nhiệm của Trưởng thôn

1. Tổ chức phổ biến Quy chế đến Nhân dân và các tổ chức ở thôn.
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; định kỳ đánh giá kết quả.
3. Chủ động phát hiện nội dung không còn phù hợp để đề nghị sửa đổi, bổ sung.
4. Chịu trách nhiệm trước UBND xã và Nhân dân về việc tổ chức thực hiện.

Điều 48. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa - Xã hội xã

1. Là cơ quan tham mưu UBND xã hướng dẫn việc thực hiện Quy chế. Các phòng chuyên môn khác hướng dẫn theo lĩnh vực phụ trách.
2. Phối hợp các phòng, cơ quan liên quan hướng dẫn nghiệp vụ; kiểm tra việc thực hiện dân chủ, quản lý nhà văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa và chế độ báo cáo.
3. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc; tham mưu UBND xã xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Điều 49. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc xã

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn các thôn thực hiện công việc thuộc lĩnh vực phụ trách.
2. Khi giao nhiệm vụ cho thôn phải rõ nội dung, thời hạn và đầu mối liên hệ; hạn chế yêu cầu trùng lặp hoặc báo cáo ngoài kế hoạch.
3. Phối hợp giải quyết kịp thời kiến nghị chính đáng của Trưởng thôn và Nhân dân.

Điều 50. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn và các tổ chức ở thôn phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; không thay thế hoặc làm phát sinh thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ ngoài quy định của pháp luật. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày Quyết định ban hành có hiệu lực.
2. Trường hợp văn bản được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Trưởng thôn tổng hợp, báo cáo UBND xã qua Phòng Văn hóa - Xã hội để xem xét, giải quyết./.

